

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Lê Đăng Tổ**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Nguyễn Văn Hải** và ông **Lê Dũng Phương**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Ngọc**, sinh năm 1990

- ***Bị đơn:*** Anh **Trương Văn Tâm**, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số nhà 231, Tổ 2, Ấp 1, xã T, huyện T, Đ.

*(Chị Ngọc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Tâm vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc và anh Tâm tự nguyện kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2009, quyền số 01.

Sau khi kết hôn, chị Ngọc và anh Tâm sống chung với cha mẹ chồng tại Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Ngọc là do anh Tâm ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị Ngọc quán xuyến, khi chị góp ý thì vợ chồng

xảy ra cãi vã, chị và kể cả cha mẹ chồng đã nhiều lần khuyên giải anh Tâm nhưng anh Tâm không thay đổi tính tình. Mặc dù đến nay, chị và anh Tâm vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị Ngọc nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn Tâm.

Về con chung: Theo chị Ngọc, vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là Trương Thị Ngọc Luyến, sinh ngày 15/01/2009 và Trương Thị Ngọc Xuyên, sinh ngày 10/6/2010. Khi ly hôn, chị Ngọc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bản thân chị hiện nay có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, cùng với sự giúp đỡ của cha mẹ chồng nên chị đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, tạm thời, chị Ngọc không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị Ngọc, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trương Văn Tâm mặc dù được Tòa án Thông báo về việc bị kiện; tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng (bút lục số 32, 33).

Tại Biên bản xác minh ngày 31/7/2018 đối với bà Hà Thị Bông (mẹ ruột của anh Tâm) có nội dung như sau: Đời sống hôn nhân giữa vợ chồng anh Tâm và chị Ngọc hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tâm ham chơi, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Chị Ngọc, bà Bông và các chị em trong gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh Tâm không thay đổi tính tình. Theo bà được biết, hiện chị Ngọc làm công nhân tại Khu công nghiệp T, còn anh Tâm hiện tại không có việc làm ổn định. Các con chung của vợ chồng chủ yếu do chị Ngọc chăm sóc. Bà Bông cũng cho biết, anh Tâm đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt, vì không đồng ý ly hôn nên anh Tâm không đến Tòa án làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 31/7/2018 đối với ông Nguyễn Tấn Hiệp (Phó trưởng Ấp 1, xã T), ông Hiệp cung cấp như sau: Từ khoảng một năm trở lại đây, vợ chồng anh Tâm và chị Ngọc bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông được biết là do anh Tâm không tu chí làm ăn để lo kinh tế cho gia đình, còn cụ thể mâu thuẫn vợ chồng thì ông không nắm được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Ngọc ly hôn với anh Tâm; về con chung: Đề nghị giao các con chung Trương Thị Ngọc Luyến, sinh ngày 15/01/2009 và Trương Thị Ngọc Xuyến, sinh ngày 10/6/2010 cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tâm do chị Ngọc không yêu cầu; về tài sản chung: Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị Ngọc khai không có, nên không xem xét; đối với anh Tâm nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn Tâm, tranh chấp về nuôi hai con chung là Trương Thị Ngọc Luyến, sinh ngày 15/01/2009; Trương Thị Ngọc Xuyến, sinh ngày 10/6/2010. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trương Văn Tâm cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trương Văn Tâm là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét hôn nhân giữa chị Ngọc và anh Tâm được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 25/02/2009, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, vào sổ cấp giấy số 08, quyển số 01/2009 (Bút lục số 06), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân giữa vợ chồng chị Ngọc, anh Tâm đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Ngọc là do anh Tâm không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, khi chị góp ý thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được cha mẹ, anh chị trong gia đình khuyên giải nhiều lần, nhưng anh Tâm không chịu thay đổi tính tình. Đến thời điểm này, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng do Tòa án thu thập (Bút lục

số 32, 33). Bản thân anh Tâm, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiên hành, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, điều này cũng thể hiện, anh Tâm không mong muốn đoàn tụ gia đình với chị Ngọc. Từ những lý do nêu trên, có đủ cơ sở để xác định: Vợ chồng chị Ngọc, anh Tâm trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị Ngọc đối với anh Tâm là có cơ sở.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngọc và anh Tâm có 02 (hai) con chung là Trương Thị Ngọc Luyến, sinh ngày 15/01/2009; Trương Thị Ngọc Xuyến, sinh ngày 10/6/2010. Khi ly hôn, chị Ngọc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong quá trình chung sống và từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn con chung chủ yếu do chị Ngọc chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ. Hiện tại, chị Ngọc có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, để không xáo trộn đời sống của con trẻ, đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho các con chung, cần tiếp tục giao các cháu Luyến, Xuyến cho chị Ngọc nuôi dưỡng theo như yêu cầu của chị Ngọc là phù hợp, cũng một phần đáp ứng nguyện vọng của các con chung (Bút lục số 21, 22). Tạm thời anh Tâm không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ngọc không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Ngọc khai không có, nên không xem xét; đối với anh Tâm nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Ngọc là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Ngọc phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Trương Văn Tâm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc và anh Trương Văn Tâm.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung là Trương Thị Ngọc Luyến, sinh ngày 15/01/2009; Trương Thị Ngọc Xuyên, sinh ngày 10/6/2010 cho chị Ngọc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tâm do chị Ngọc không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung....)

3. Về tài sản chung: Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, chị Ngọc khai không có, nên không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng bằng vụ án khác cho anh Tâm nếu anh Tâm có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Ngọc đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 009090 ngày 06/6/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đ. Chị Ngọc đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngọc, anh Tâm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK số 08 ngày 25/02/2009);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tố**